

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 08/5/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đào
2. Bà Trần Thị Thảo

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Q

Trụ sở: 111A P, phường N, quận X, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông V – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà H – Giám đốc trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông T – cán bộ ngân hàng

Bị đơn: Ông V, sinh năm 1960

Bà M, sinh năm 1958

Địa chỉ: 199 tổ 5 ấp H, xã T, TP. T, Tiền Giang

Ông Thanh có mặt; bà M, ông V vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Q và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q có ký với Ông V và bà M hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 0182.HDTD.VIB618.17 ngày 04/12/2017 và khế ước nhận nợ số 0182.KUNN.VIB618.17 ngày 06/12/2017.

Số tiền cho vay: 1.400.000.000 đồng.

Mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua xe ô tô

Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân

Lãi suất thời điểm giải ngân là 8,19%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8,3%/năm. Lãi suất ưu đãi được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở co VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 4,09%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Phương thức trả: Gốc lãi trả hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số: 0021.HDTD.VIB618.18 ngày 24/01/2018 và khế ước nhận nợ số 0021.KUNN.VIB618.18 ngày 24/01/2018.

Số tiền cho vay: 127.000.000 đồng.

Mục đích vay vốn: sửa chữa mua sắm vật dụng gia đình.

Thời hạn vay: 72 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân

Lãi suất thời điểm giải ngân là 12,39%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở co VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 3,99%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Phương thức trả: Gốc lãi trả hàng tháng.

- Ngày 03/8/2018, ông V và bà M có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng với hạn mức là 70.000.000 đồng, loại thẻ VIB Gold, mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 28/07/2021, ông V và bà M còn nợ VIB số tiền:

- Theo hợp đồng tín dụng số 0182.HDTD.VIB618.17 ngày 04/12/2017 là 468.608.883 đồng trong đó nợ gốc là 392.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.096.492 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.612.391 đồng;

- Theo hợp đồng tín dụng số 0021.HDTD.VIB618.18 ngày 24/01/2018 là 88.187.753 đồng trong đó nợ gốc là 74.364.891 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.382.129 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.440.733 đồng;

- Theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 03/8/2018 là 128.763.619 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu giải quyết:

1. Buộc Ông V và bà M phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ:

- Theo hợp đồng tín dụng số 0182.HDTD.VIB618.17 ngày 04/12/2017 là 468.608.883 đồng trong đó nợ gốc là 392.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.096.492 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.612.391 đồng;

- Theo hợp đồng tín dụng số 0021.HDTD.VIB618.18 ngày 24/01/2018 là 88.187.753 đồng trong đó nợ gốc là 74.364.891 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.382.129 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.440.733 đồng;

- Theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 03/8/2018 là 128.763.619 đồng.

Và buộc ông V và bà M phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong.

Đối với tài sản mà ông V và bà M thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông V và bà M đến Tòa để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng ông V và bà M đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông V và bà M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng yêu cầu ông V và bà M trả số tiền nợ vay, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, thành phố T, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V và bà M trả tiền nợ đã vay gốc và tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là các “*Hợp đồng tín dụng*” và “*Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ*” do Ngân hàng cung cấp có chữ ký của ông V và bà M. Có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng và ông V và bà M đã xác lập hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V và bà M, tuy nhiên ông V và bà M không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông V và bà M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định ông V và bà M còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Theo hợp đồng tín dụng số 0182.HDTD.VIB618.17 ngày 04/12/2017 nợ gốc là 392.900.000 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng số 0021.HDTD.VIB618.18 ngày 24/01/2018 nợ gốc là 74.364.891 đồng.

- Theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 03/8/2018 là 57.716.639 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Xét thấy ông V và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông V và bà M trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 0182.HDTD.VIB618.17 ngày 04/12/2017 là 392.900.000 đồng; hợp đồng tín dụng số 0021.HDTD.VIB618.18 ngày 24/01/2018 là 74.364.891 đồng; hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 03/8/2018 là 57.716.639 đồng.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu ông V và bà M trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn. Xét thấy Ngân hàng yêu cầu ông V và bà M trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Kể từ ngày 09/5/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ thì ông V và bà M vẫn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

[7] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố

tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Buộc ông V và bà M liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á số tiền:

1.1 Theo hợp đồng tín dụng số 0182.HDTD.VIB618.17 ngày 04/12/2017:

- Nợ gốc là 74.364.891 đồng (Bảy mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi một đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 1.190.488 đồng (Một triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 40.383.265 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

1.2 Theo hợp đồng tín dụng số 0021.HDTD.VIB618.18 ngày 24/01/2018:

- Nợ gốc là 392.900.000 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 132.299 đồng (Một trăm ba mươi hai nghìn hai trăm chín mươi chín đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 215.029.422 đồng (Hai trăm mười lăm triệu không trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

1.1 Theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 03/8/2018:

- Nợ gốc là 57.716.639 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 36.612.905 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm mười hai nghìn chín trăm lẻ năm đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 75.829.276 đồng (Bảy mươi lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày 09/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông V và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng cho đến khi thi hành án xong, ông V và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tiền lãi trên nợ gốc trong hạn) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông V và bà M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.825.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.711.205 đồng theo biên lai thu tiền số 35825 ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Cơ quan thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vĩnh Lộc